

Huế

Kết quả thực hiện các Hiệp định Thương mại Tự do của địa phương

Trung bình

NHÓM 5/6

XẾP LOẠI

Trung bình

Nhóm 5/6 — **Hạng 28/34** tỉnh được đánh giá.

ĐIỂM TỔNG HỢP

15,55 / 40

Thấp hơn mức trung bình cả nước (21,66) **6,11 điểm**.

TRỤ CỘT YẾU NHẤT

27 / 34

Phát triển bền vững — khoảng cách lớn nhất trong bốn trụ cột (**-2,23**).

TỔNG QUAN BỐN TRỤ CỘT

A TIẾP CẬN THÔNG TIN

HẠNG 25 / 34

3,54 / 10 -1,25 so với trung bình cả nước

B THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

HẠNG 30 / 34

3,18 / 10 -2,03 so với trung bình cả nước

C CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

HẠNG 25 / 34

5,29 / 10 -0,53 so với trung bình cả nước

D PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HẠNG 27 / 34

3,74 / 10 -2,23 so với trung bình cả nước

★ ĐIỂM MẠNH TƯƠNG ĐỐI

- #7 C3 — Hình thức tận dụng FTA
- #10 A3 — Hình thức tiếp cận thông tin về FTA
- #11 C1 — Mức độ tận dụng FTA
- #12 A2 — Cơ quan cung cấp thông tin FTA

KHOẢNG TRỐNG NGHIÊM TRỌNG

- #31 D2 — Nhận thức tác động của các cam kết PTBV
- #30 D4 — Hiệu quả hỗ trợ từ cơ quan QLNN địa phương
- #30 B6 — Phản hồi chính sách
- #29 B2 — Tần suất hướng dẫn VBPL

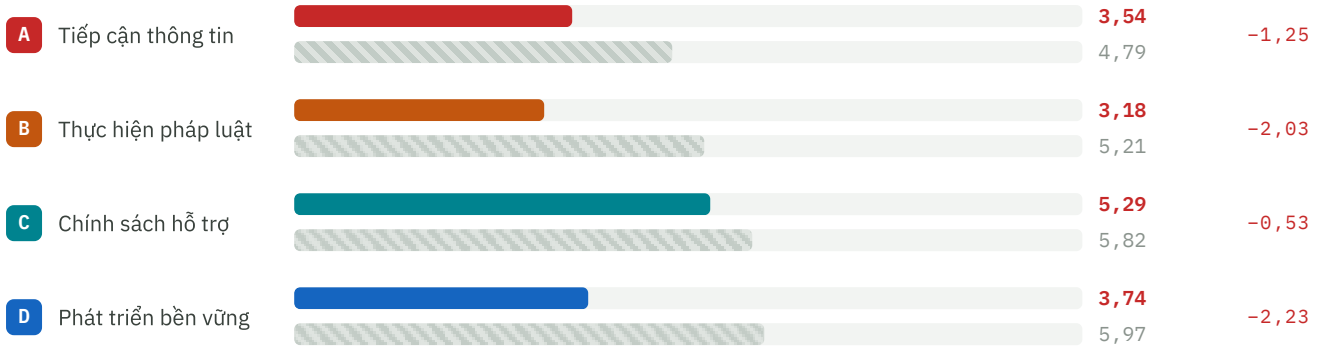
NGUỒN: FTA INDEX 2025 (TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG THỰC HIỆN CHO BỘ CÔNG THƯƠNG); KHẢO SÁT 4.066 DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU. ĐIỂM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TRÊN THANG 10; ĐIỂM TỔNG HỢP TRÊN THANG 40. XẾP HẠNG TRÊN TỔNG SỐ 34 TỈNH.

01 Tổng quan kết quả

Huế đạt 15,55/40 điểm, thuộc nhóm “Trung bình” và xếp **hạng 28/34** tỉnh, thành phố, thấp hơn **6,11 điểm** so với mức trung bình cả nước. Kết quả cho thấy một nghịch lý rõ rệt: doanh nghiệp chủ động tận dụng FTA, với mức độ tận dụng (C1) xếp **hạng 11** và sự đa dạng của các hình thức tận dụng (C3) xếp **hạng 7**, nhưng hệ thống hỗ trợ thể chế chưa phát triển tương xứng. Khoảng cách lớn nhất nằm ở trụ cột phát triển bền vững (**-2,23** điểm) và thực thi pháp luật (**-2,03** điểm). Ưu tiên chính sách cần tập trung vào việc nâng cao chất lượng hướng dẫn văn bản pháp luật (VBPL), mở rộng xúc tiến thương mại và xây dựng năng lực đáp ứng các quy định phát triển bền vững (PTBV).

KẾT QUẢ TRÊN BỐN TRỤ CỘT

Huế Trung bình cả nước



BẢNG 1 · ĐIỂM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TRÊN THANG 10 · HUẾ SO VỚI TRUNG BÌNH CẢ NƯỚC TRÊN 34 TỈNH

02 Phân tích chi tiết theo chỉ số thành phần

A CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 1
Tiếp cận thông tin

3,54/10

HẠNG 25 / 34 · -1,25

TỔNG QUAN

Nguồn thông tin từ cơ quan nhà nước (A2, **hạng 12**) và sự đa dạng của các hình thức tiếp cận (A3, **hạng 10**) cho thấy Huế đã hình thành được các kênh truyền tải thông tin cơ bản. Tuy nhiên, chất lượng thông tin được cung cấp so với nhu cầu doanh nghiệp (A4) chỉ xếp **hạng 24**, chất lượng sự kiện truyền thông về FTA (A7) xếp **hạng 27**, chất lượng thông tin FTA trên cổng điện tử địa phương (A9) xếp **hạng 25** và thông tin dự báo, định hướng xuất nhập khẩu (A8) xếp **hạng 22**. Nhìn chung, hệ thống thông tin đã có độ bao phủ nhất định nhưng chất lượng và chiều sâu thông tin vẫn còn hạn chế.

ĐỘ BAO PHỦ KÊNH & MỨC ĐỘ THAM GIA

Báo chí và truyền hình là kênh phổ biến nhất, tiếp cận 79,7% doanh nghiệp, tiếp đến là mạng xã hội (69,5%). Trang thông tin điện tử và hội nghị tiếp cận khoảng một nửa số doanh nghiệp, trong khi tập huấn chỉ đạt 18,6%. Chưa đến một nửa doanh nghiệp (47,5%) tham dự sự kiện FTA ít nhất ở mức không thường xuyên và chỉ 5,1% tham gia thường xuyên. Doanh nghiệp lớn và FDI tham gia tích cực hơn doanh nghiệp vừa và tư nhân. Đối với thông tin dự báo, độ tin cậy nhận được 54,5% đánh giá tích cực, nhưng chất lượng tổng thể, tính cụ thể và tính kịp thời chỉ đạt khoảng 41–46%. Kết quả này phản ánh sự thiếu đồng đều trong khả năng tiếp cận và hưởng lợi từ thông tin giữa các nhóm doanh nghiệp.

Huế 3,54

Trung bình cả nước 4,79

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

- #10 Hình thức tiếp cận thông tin
- #12 Cơ quan cung cấp thông tin FTA
- #21 Hiểu biết chung về FTA đã ký kết
- #22 Thông tin dự báo, định hướng xuất nhập khẩu
- #24 Chất lượng thông tin so với nhu cầu DN
- #25 Thông tin FTA trên cổng điện tử
- #27 Chất lượng sự kiện về FTA

B CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 2
Thực hiện quy định pháp luật theo FTA

3,18/10

HẠNG 30 / 34 · -2,03

TỔNG QUAN

Đây là một trong những trụ cột yếu nhất của Huế. Mức độ nắm rõ các VBPL thực thi FTA (B1), tần suất hướng dẫn VBPL (B2) và mức độ

Huế 3,18

phức tạp khi tuân thủ VBPL (B4) cùng xếp **hạng 29**, trong khi mức độ doanh nghiệp tham gia phản hồi, góp ý (B6) xếp **hạng 30**. Ngay cả các chỉ tiêu có kết quả khả quan hơn, gồm chất lượng hướng dẫn VBPL (B3) và mức độ tham gia tập huấn (B5), cũng chỉ xếp **hạng 24**. Điều này cho thấy cả kiến thức pháp lý, tần suất hỗ trợ và sự tham gia của doanh nghiệp đều chưa đáp ứng yêu cầu thực thi FTA.

CHIỀU SÂU HIỂU BIẾT THEO LĨNH VỰC

Cụ thể, chỉ khoảng 14–31% doanh nghiệp nắm rõ từng lĩnh vực pháp luật chủ yếu, trong khi 56–72% hoàn toàn chưa biết hoặc chỉ có hiểu biết cơ bản. Khoảng trống lớn nhất nằm ở sở hữu trí tuệ và SPS; mức độ hiểu biết của doanh nghiệp FDI cũng thấp trên hầu hết các lĩnh vực. Chỉ 12–27% doanh nghiệp thường xuyên nhận được hướng dẫn VBPL, và không doanh nghiệp FDI nào cho biết thường xuyên được hướng dẫn về SPS, TBT, sở hữu trí tuệ hoặc phòng vệ thương mại. Đồng thời, khoảng 66–85% doanh nghiệp đánh giá các quy định khá phức tạp. Các yêu cầu về SPS, TBT, lao động, môi trường và quy định nội luật hóa mới vì vậy vẫn là gánh nặng đáng kể đối với doanh nghiệp.



XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

- #24 Chất lượng hướng dẫn VBPL
- #24 Tham gia đào tạo tập huấn thực thi cam kết
- #27 Tiếp thu ý kiến doanh nghiệp
- #29 Mức độ nắm rõ VBPL thực thi FTA
- #29 Tần suất hướng dẫn VBPL
- #29 Mức độ phức tạp tuân thủ VBPL thực thi FTA
- #30 Phản hồi, góp ý VBPL

C CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 3
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA

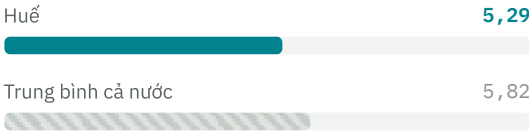
5,29 /10
HẠNG 25 / 34 • -0,53

TỔNG QUAN

Trụ cột này phản ánh rõ nhất nghịch lý trong thực thi FTA của Huế. Mức độ tận dụng FTA do doanh nghiệp tự đánh giá (C1) xếp **hạng 11** và sự đa dạng của các hình thức tận dụng (C3) xếp **hạng 7**, thuộc nhóm kết quả tốt nhất so với trung bình cả nước. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ (C6), hiệu quả thực thi chính sách hỗ trợ của cơ quan QLNN địa phương (C7) và chất lượng xúc tiến thương mại (C9.2) cùng chỉ xếp **hạng 29**. Doanh nghiệp đang khai thác FTA chủ yếu bằng năng lực riêng, trong khi hệ thống hỗ trợ tại địa phương chưa tạo được tác động thúc đẩy rõ rệt.

CƠ CẤU TẬN DỤNG & RÀO CẢN

Hoạt động tận dụng tập trung vào ưu đãi thuế quan (84,7%) và quy tắc xuất xứ (61%), tiếp theo là thuận lợi hóa thương mại (33,9%). Trong khi đó, 52,5% doanh nghiệp thiếu thông tin về thị trường FTA, 49,2% chưa hiểu rõ các cam kết và 42,4% gặp khó khăn trong tiếp cận đối tác. Doanh nghiệp FDI đối mặt nhiều hơn với quy tắc xuất xứ và tiêu chuẩn kỹ thuật từ các đối tác FTA, còn doanh nghiệp nhỏ và tư nhân chịu hạn chế lớn về thông tin, công nghệ, vốn và tiếp cận thị trường. Hoạt động xúc tiến thương mại cũng chưa tạo ra kết quả: chỉ 27–30% đánh giá tích cực mức độ phù hợp của chương trình và chất lượng tài liệu, trong khi tỷ lệ ghi nhận hiệu quả thương mại thu được (tìm được đối tác, ký kết hợp đồng) sau chương trình chỉ đạt 9,1%, trong đó không có doanh nghiệp nhỏ hoặc vừa nào phản hồi tích cực.



XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

- #7 Hình thức tận dụng FTA
- #11 Mức độ tận dụng FTA
- #18 Rào cản khi tận dụng FTA
- #29 Tiếp cận chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh
- #29 Hiệu quả thực thi chính sách hỗ trợ của CQQLNN địa phương
- #29 Chất lượng xúc tiến thương mại

D CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 4
Cam kết phát triển bền vững

3,74 /10
HẠNG 27 / 34 • -2,23

TỔNG QUAN

Đây là trụ cột yếu nhất của Huế. Chất lượng các hình thức hỗ trợ (D6) xếp **hạng 32**, nhận thức về tác động đối với hoạt động kinh doanh (D2) xếp **hạng 31**, hiệu quả hỗ trợ của cơ quan nhà nước (D4) xếp **hạng 30**, mức độ hiểu biết (D1) xếp **hạng 29** và mức độ sẵn sàng đáp ứng (D3) xếp **hạng 28**. Chỉ tiêu khả quan nhất là nhận thức về tầm quan trọng của việc tuân thủ các quy định phát triển bền vững tại thị trường nhập khẩu (D5), xếp **hạng 19**. Doanh nghiệp đã bước đầu nhận diện tầm quan trọng của tuân thủ nhưng còn thiếu kiến thức, sự chuẩn bị và hỗ trợ để chuyển nhận thức thành hành động.

NHẬN THỨC & MỨC ĐỘ PHÙ HỖ TRỢ

Mức độ hiểu biết về các cam kết lao động và môi trường chỉ đạt khoảng 33–35%, trong khi hiểu biết về quản lý rừng, EUDR, CBAM và các yêu cầu chuyên biệt khác giảm xuống còn 15–25%. Tác động lớn được ghi nhận chủ yếu ở môi trường (23,7%) và EUDR (22%), trong khi CBAM chỉ đạt 6,9%. Hỗ trợ của địa phương được đánh giá tích cực nhất đối với tuân thủ môi trường (59,3%) nhưng chỉ đạt khoảng 34–46% ở phần lớn các lĩnh vực chuyên biệt. Khoảng 42–48% doanh nghiệp cho biết chưa nhận được hỗ trợ về CBAM, thủy sản và quản lý rừng. Khoảng trống này đặc biệt đáng lưu ý đối với các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản, gỗ và dệt may.



XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

- #19 Nhận thức tầm quan trọng của việc tuân thủ
- #28 Mức độ chuẩn bị tuân thủ cam kết PTBV
- #29 Mức độ hiểu biết về cam kết PTBV
- #30 Hiệu quả hỗ trợ từ CQQLNN địa phương
- #31 Nhận thức tác động của các cam kết PTBV
- #32 Chất lượng các hình thức hỗ trợ

03 Kết luận & hàm ý

ĐIỂM MẠNH CẦN PHÁT HUY

- **Doanh nghiệp chủ động tận dụng FTA**, thể hiện qua mức độ tận dụng xếp **hạng 11** và sự đa dạng của các hình thức tận dụng xếp **hạng 7**, dù hệ thống hỗ trợ còn hạn chế.
- **Các kênh truyền tải thông tin cơ bản đã được hình thành**, với nguồn thông tin từ cơ quan nhà nước xếp **hạng 12** và sự đa dạng của hình thức tiếp cận xếp **hạng 10**.
- **Doanh nghiệp đã bước đầu nhận diện tầm quan trọng của việc tuân thủ các yêu cầu phát triển bền vững (D5, hạng 19)**, tạo nền tảng để nâng cao mức độ sẵn sàng trong giai đoạn tiếp theo.

HẠN CHẾ CẦN CẢI THIẾN

- **Thực thi pháp luật thuộc nhóm cuối bảng**, khi doanh nghiệp thiếu hướng dẫn thường xuyên, tư vấn thực tiễn và cơ hội tham gia phản hồi chính sách.
- **Hệ thống chính sách hỗ trợ chưa phát huy hiệu quả**, với khả năng tiếp cận chính sách, hiệu quả hỗ trợ và chất lượng xúc tiến thương mại cùng xếp **hạng 29**.
- **Phát triển bền vững là khoảng trống cấp bách nhất**, khi chất lượng hỗ trợ xếp **hạng 32**, nhận thức về tác động xếp **hạng 31** và hiệu quả hỗ trợ của cơ quan QLNN tại địa phương xếp **hạng 30**.

1 **Nâng cao chất lượng đồng hành pháp lý**

Cung cấp hướng dẫn thường xuyên, thiết thực và phù hợp với đặc thù từng ngành về SPS, TBT, quy tắc xuất xứ, sở hữu trí tuệ, quy định lao động và môi trường.

Trụ cột B · 30 → cải thiện thứ hạng

2 **Triển khai hệ thống hỗ trợ có trách nhiệm rõ ràng**

Xây dựng các chương trình hỗ trợ FTA với đầu mối và trách nhiệm cụ thể; tăng cường xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp dệt may, thủy sản và sản phẩm gỗ.

Trụ cột C · 30 → cải thiện thứ hạng

3 **Xây dựng chương trình phát triển bền vững chuyên biệt**

Hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu về lao động, môi trường, truy xuất nguồn gốc, quản lý nguồn lợi rừng bền vững CITES và thẩm định trách nhiệm chuỗi cung ứng trong khuôn khổ EVFTA và CPTPP.

Trụ cột D · 32 → cải thiện thứ hạng

4 **Thiết lập đầu mối hỗ trợ FTA cấp thành phố**

Hình thành một đầu mối thống nhất về hướng dẫn pháp lý, tiếp cận chính sách, xúc tiến thương mại và hỗ trợ phát triển bền vững, bảo đảm doanh nghiệp được kết nối với đúng chương trình và cơ quan phụ trách.

Mục tiêu: đầu mối hỗ trợ FTA



MỤC TIÊU

Đưa Huế từ nhóm “Trung bình” lên nhóm “Khá” bằng cách củng cố năng lực hỗ trợ thể chế tương xứng với mức độ chủ động tận dụng FTA của doanh nghiệp